

Bản án số: 02/2019/HSST

Ngày 11/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Cường

2. Ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông đã xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2018/HSST, ngày 28/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS, ngày 02/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn L (*có mặt*), sinh năm 1999, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Nho P, sinh năm 1962 và bà Triệu Mùi K, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can.

2. Triệu Văn V (*có mặt*), sinh năm 1993, tại tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Triệu Thị V, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày khởi tố bị can.

- Những người bị hại:

1. Anh Bùi Minh Q (*vắng mặt*), sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Hà Ngọc C (*vắng mặt*), sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Anh Trần Hùng P (*vắng mặt*), sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Đ.

4. Anh Nguyễn Duy K (*vắng mặt*), sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Triệu Mùi K (*có mặt*), sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Những người làm chứng.*

1. Anh Triệu Văn L (*vắng mặt*), sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Nguyễn Văn M (*có mặt*), sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Anh Đàm Văn L (*vắng mặt*), sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Anh Đàm Văn Đ (*có mặt*).

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Triệu Văn V (sinh năm 1993), Triệu Văn L (sinh năm 1999) là những đối tượng có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản trên địa bàn xã L, huyện Đ, tỉnh Đ như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 28/06/2018, Triệu Văn V đến nhà Triệu Văn L để uống rượu, sau khi uống rượu xong Triệu Văn L nảy sinh ý định rủ Triệu Văn V đi tìm gặp, đe dọa những người dân đi trên đường để chiếm đoạt tiền tiêu xài và được Triệu Văn V đồng ý.

Để thực hiện hành vi phạm tội, vào khoảng 12 giờ 00 phút, Triệu Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển số 48D1- 037.08 (xe của bà Triệu Mùi K là mẹ của Triệu Văn L) chở Triệu Văn V đến quán bida của anh Đàm Văn Đ, sinh năm 1990 (trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ), tại đây L và V gặp Đàm Văn L, sinh năm 1978 (trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ), là người hay đi môi giới xe máy mức để san lấp mặt bằng ở xã L, tại đây V, L hỏi anh Đàm Văn L về chiếc xe máy đang mức đất ở thôn T là của ai, đồng thời nói anh Đàm Văn L gọi điện thoại cho chủ xe xin ít tiền uống cà phê. Do anh L biết chủ xe máy là anh Bùi Minh Q, sinh năm 1987 (trú tại thôn A, xã, huyện Đ, tỉnh Đ), vì vậy anh L đã gọi điện thông báo cho anh Q biết về thái độ của V và L, sau khi nghe anh L gọi điện thoại, anh Q lo sợ V và L sẽ quấy phá việc làm ăn của mình, do đó anh Q nhờ anh L nói với V đến cửa hàng vật liệu xây dựng T tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ để lấy tiền, ngay lập tức L điều khiển xe máy biển số 48D1 – 037.08 chở V đến cửa hàng vật liệu xây dựng T

gặp anh Q và được anh Q đưa cho 200.000 đồng. Sau khi lấy được tiền L và V mang đi tiêu xài hết số tiền vừa chiếm đoạt được.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, L tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 48D1 – 037.08 chở V đến đoạn đường ngã ba mỏ đá V thuộc thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ thì gặp anh Hà Ngọc C (sinh năm 1980) trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đang điều khiển xe ô tô vá lốp lưu động, tại đây L dùng xe mô tô chặn trước đầu xe ô tô yêu cầu anh C cho 30.000 đồng, anh C không cho, ngay lập tức L dùng lời lẽ đe dọa anh C làm cho anh C lo sợ không cho tiền sẽ bị L và V đánh nên đã đi vào mỏ đá V gặp người quen mượn 30.000 đồng để đưa cho L và V.

Khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, L tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 48D1- 037.08 chở Triệu Văn V đi trên đường liên thôn T thì gặp anh Trần Hùng P (sinh năm 1963) trú tại phường T, thị xã B, tỉnh Đ đang điều khiển xe mô tô đi một mình, thấy vậy, Triệu Văn L điều khiển xe mô tô của mình vượt lên phía trước ép xe mô tô của anh P vào lề đường và dừng xe lại, Triệu Văn L xuống xe dùng tay của mình giữ đầu xe máy của anh Trần Hùng P nói lời đe dọa xin tiền anh P, do đoạn đường vắng không có người qua lại, cùng với lời đe dọa nên anh P lo sợ đưa cho L 50.000 đồng.

Sau đó L chở V tiếp tục đi đến rẫy của anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1969) trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ thì thấy anh Nguyễn Duy K (sinh năm 1980) trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đ đang lái máy múc đất trên rẫy của anh Nguyễn Văn M, Triệu Văn L dừng xe lại, Triệu Văn V đứng tại vị trí xe máy, Triệu Văn L nhặt một cục đá (theo lời khai có kích thước 06cm x 08cm) đi lại chỗ anh K và yêu cầu anh K đưa cho L và V một ít tiền, anh K trả lời không có tiền, vì vậy L vứt cục đá xuống đất và lấy xe mô tô biển số 48D1 – 037.08 về nhà lấy 01 con dao tự chế (lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm, bản rộng 06cm, cán gỗ dài 10,5cm, đường kính 4,5cm) đem theo đi đến gặp anh K để tiếp tục đe dọa, xin tiền thì được người dân phát hiện và đến can ngăn cho nên L và V bỏ về nhà.

Tại Bản cáo trạng số **01/CTr – VKS ngày 25 tháng 12** năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo Triệu Văn L và Triệu Văn V về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn L và Triệu Văn V phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Triệu Văn L và Triệu Văn V từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho anh Bùi Minh Q số tiền 200.000 đồng, Hà Minh C số tiền 30.000 đồng, Trần Hùng P số tiền 50.000 đồng và những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển số 48D1-037.08 cho chủ sở hữu hợp pháp.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế bằng kim loại có kích thước dài 50cm, bản rộng 06cm, cán gỗ dài 10,5cm, đường kính 4,5cm.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 50.000 đồng.

+ Đối với 01 cục đá (06cm x 08 cm) mà bị cáo Triệu Văn L dùng để uy hiếp anh K nhằm chiếm đoạt tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã áp dụng các biện pháp để truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của

các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3]Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]Hội đồng xét xử xét thấy: Vào thời gian khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút ngày 28/6/2018, tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đ. Triệu Văn L, Triệu Văn V đã có lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt của những người bị hại: chiếm đoạt của anh Bùi Minh Q số tiền 200.000 đồng (lần thứ nhất), chiếm đoạt của anh Hà Ngọc C số tiền 30.000 đồng (lần thứ hai), chiếm đoạt của anh Trần Hùng P số tiền 50.000 đồng (lần thứ ba), bị cáo Triệu Văn L và Triệu Văn V dùng 01 cục đá, 01 con dao tự chế bằng kim loại để đe dọa nhằm chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Duy K, nhưng bị người dân phát hiện và can ngăn nên Triệu Văn L, Triệu Văn V không thực hiện được hành vi đến cùng (lần thứ tư, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt). Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Các hành vi trên của các bị cáo đều đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng V lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[5]Bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V là những công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi mình, các bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của người khác đều bị trừng trị nghiêm minh. Nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã có những lời nói đe dọa để uy hiếp tinh thần của người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của những người bị hại, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến đến tình hình trật tự trị an của xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm.

[6]Trong vụ án này có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội (thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn), hành vi phạm tội của hai bị cáo là khác nhau. Do đó khi lượng mức hình phạt của từng bị cáo phải tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới bảo đảm sự công bằng pháp luật. Đối với bị cáo Triệu Văn L là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo bị cáo Triệu Văn V thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L cũng là người thực hiện hành vi một cách tích cực nhất, do đó khi lượng hình cần xử phạt bị cáo L mức hình phạt nghiêm khắc, cao hơn bị cáo V. Đối với bị cáo Triệu Văn V khi được bị cáo L rủ đi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác lại không tìm cách khuyên can bị cáo L mà ngược lại đã đồng ý cùng bị cáo L đi thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần có một hình phạt tương xứng đối với bị cáo V.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 ngày 28/6/2018, tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đ. Triệu Văn L, Triệu Văn V đã có lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Bùi Minh Q, anh Hà Ngọc C, anh Trần Hùng P và anh Nguyễn Duy K, với 04 lần thực hiện hành vi phạm tội; do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự (*Phạm tội 02 lần trở lên*).

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho những người bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần được xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[9] Về nhân thân của các bị cáo: Tiền án, tiền sự không có, các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo xác minh tại địa phương thì bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V đang sống phụ thuộc vào gia đình không có tài sản riêng, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V.

[12] Đối với bà Triệu Mùi K là người giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius biển số 48D1 – 037.08 cho bị cáo L và V sử dụng, tuy nhiên bà K không biết việc bị cáo L và V sử dụng xe vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý hành vi này.

[13] Về trách nhiệm dân sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội và trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tự bồi thường, trả lại số tiền chiếm đoạt cho anh Bùi Minh Q số tiền 200.000 đồng, Hà Minh C số tiền 30.000 đồng, Trần Hùng P số tiền 50.000 đồng. Những người bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không bị hư hỏng gì, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[14] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển số 48D1-037.08 thuộc sở hữu hợp pháp của bà Triệu Mùi K nhưng bà K không biết việc Triệu Văn L và Triệu Văn V đã dùng chiếc xe này vào việc phạm tội nên việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại 01 chiếc

xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển số 48D1- 037.08 cho bà Triệu Mùi K là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 con dao tự chế bằng kim loại có kích thước dài 50cm, bản rộng 06cm, cán gỗ dài 10,5cm, đường kính 4,5cm là công cụ các bị cáo phục vụ vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, do đó cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 cục đá (có kích thước 06cm x 08 cm) mà bị cáo Triệu Văn L dùng để uy hiếp anh K nhằm chiếm đoạt tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã áp dụng các biện pháp để truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

[15]Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn V 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại (anh Bùi Minh Q, anh Hà Ngọc C, anh Trần Hùng P và anh Nguyễn Duy K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Triệu Mùi K) không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển số 48D1- 037.08 cho bà Triệu Mùi K là chủ sở hữu hợp pháp (Có đặc điểm như biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 25/7/2018).

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế bằng kim loại có kích thước dài 50cm, bản rộng 06cm, cán gỗ dài 10,5cm, đường kính 4,5cm (Có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/12/2018).

3.3. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại Polyme (Có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 28/6/2018).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: các bị cáo Triệu Văn L, Triệu Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hạn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Mil
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng